TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2019
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Văn Thành**
2. Ông **Võ Văn Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thúy L** sinh năm: 1994
Địa chỉ hộ khẩu thường trú: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.
Chổ ở hiện nay: ấp X, xã Y, huyện M, tỉnh Đồng Tháp
2. Bị đơn: Anh **Phạm Thế H** sinh năm: 1991
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Chị L có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Dương Thúy L trình bày: Chị và anh Phạm Thế H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm vợ con nên chị và anh H sống ly thân với nhau từ năm 2014, đến năm 2017 chị có nộp đơn xin ly hôn với anh H, do được sự động viên của Tòa án về hậu quả của việc ly hôn nên chị đã rút đơn xin ly hôn nhưng chị và anh H vẫn sống riêng, không trở lại sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay. Nay chị xác định không còn tình

cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị và anh H có 02 con chung tên Phạm Dương Quốc T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2012 hiện đang sống với anh H và Phạm Dương Quốc Đ, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2013 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Thế H đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh H không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh H đã được Tòa án nhân dân huyện D triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thúy L và anh Phạm Thế H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 6 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh H được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa chị L xác định trong quá trình chung sống chị và anh H có xảy ra mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu, không lo cho gia đình chị có khuyên nhưng anh H không sửa đổi, còn anh H vắng mặt không lý do xem như anh H từ bỏ quyền trình bày để bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét thấy chị L và anh H đã được Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang giải quyết về hôn nhân của mình một lần vào ngày 07 tháng 3 năm 2017 bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 38/2017/QĐST-HNGĐ nhưng đến nay qua thời gian dài mà chị L và anh H vẫn không hàn gắn tình cảm được với nhau, mặt khác anh H vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng chứng tỏ anh H không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị L ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung tên Phạm Dương Quốc T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2012 hiện đang sống với anh H và Phạm Dương Quốc Đ, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2013 hiện đang sống với chị L. Ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung. Anh H vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy cháu Đ hiện đang sống với chị L đã ổn định, cần được sự chăm sóc của chị L nhiều hơn còn cháu T tuy đang sống với anh H nhưng cháu T có nguyện vọng được sống với chị L. Để tránh sự chia rẽ tình cảm anh em của cháu T và cháu Đ, do đó giao cháu T và cháu Đ cho chị L

nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T mong muốn được sống với chị L. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thúy L và anh Phạm Thế H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao 02 con chung tên Phạm Dương Quốc T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2012 và Phạm Dương Quốc Đ, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2013 cho chị Dương Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Thế H do chị L không yêu cầu.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh H.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thúy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 10131 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh H thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ